

THÔNG BÁO
Công khai năm học 2024 – 2025

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT, ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Thực hiện Kế hoạch số 17/KH-DTNT, ngày 10/10/2024 của Trường PTDTNT huyện Tu Mơ Rông về thực hiện công khai năm học 2024-2025;

Trường PTDTNT huyện Tu Mơ Rông thông báo công khai năm học 2024 – 2025, cụ thể như sau:

I. Thông tin chung về nhà trường

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường PTDTNT huyện Tu Mơ Rông.

2. Địa chỉ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử

- Địa chỉ: Thôn Tu Mơ Rông, xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum.

- Điện thoại: 02603 934 079.

- Thư điện tử: c3dtntumorong.kontum@moet.edu.vn

- Cổng thông tin điện tử: <http://ptdtntumorong.kontum.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý trực tiếp

- Loại hình trường: Trường PTDTNT.

- Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của Nhà trường

a. Sứ mạng: Xây dựng môi trường nhà trường an toàn, thân thiện, nề nếp, kỉ cương; tổ chức tốt việc dạy học, giáo dục, chăm sóc và nuôi dưỡng học sinh; tạo điều kiện tốt nhất để học sinh phát triển toàn diện về phẩm chất, năng lực, tư duy sáng tạo và khát vọng vươn lên trong cuộc sống, chuẩn bị cho lập thân, lập nghiệp, sẵn sàng tham gia góp sức xây dựng quê hương, đất nước ngày càng giàu đẹp và bảo vệ Tổ quốc.

b. Tầm nhìn: Trường PTDTNT huyện Tu Mơ Rông là điểm sáng về giáo dục và đào tạo học sinh dân tộc thiểu số của huyện, của tỉnh; giữ gìn và phát huy mạnh mẽ các giá trị truyền thống và bản sắc văn hoá dân tộc; chất lượng giáo dục

ngày được nâng lên ngang tầm với các trường PTDTNT chất lượng cao khác trong và ngoài tỉnh.

c. Mục tiêu

- **Mục tiêu chung:** Mở rộng quy mô trường lớp; xây dựng đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên và cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu dạy học, giáo dục, nuôi dưỡng, chăm sóc học sinh; không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, chăm sóc, nuôi dưỡng học sinh.

- Mục tiêu cụ thể

*** Đến năm 2025:**

- + Trường có quy mô 15 lớp với 525 học sinh.
- + Đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên có số lượng, cơ cấu, trình độ phù hợp đáp ứng yêu cầu dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục.
- + Cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ theo quy định để tổ chức dạy học, giáo dục đặc thù, chăm sóc, nuôi dưỡng học sinh và thực hiện có hiệu quả Chương trình GDPT 2018, nâng cao chất lượng giáo dục.
- + Triển khai có hiệu quả các cuộc vận động và phong trào thi đua, đặc biệt là Cuộc vận động “Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững”.
- + Chất lượng giáo dục, nuôi dưỡng, chăm sóc và đời sống vật chất, tinh thần của học sinh, CBQL, giáo viên, nhân viên được nâng lên; thực hiện có hiệu quả giáo dục đặc thù, giáo dục giới tính, giáo dục phòng chống HIV/AIDS, phòng chống bạo lực, xâm hại học sinh và các tệ nạn xã hội khác; thực hiện có hiệu quả phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THPT.
- + Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

*** Đến năm 2030:** Quy mô nhà trường 18 lớp với 630 học sinh; Trường có đội ngũ, cơ sở vật đáp ứng tốt yêu cầu dạy học, giáo dục, nuôi dưỡng, chăm sóc học sinh; chất lượng giáo dục học sinh được nâng lên, ngang bằng với các trường cùng hệ thống vùng thuận lợi của cả nước; nâng chất lượng Trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Nhà trường

Trường PTDTNT huyện Tu Mơ Rông được thành lập ngày 07 tháng 7 năm 2006 theo Quyết định số 306-2006/QĐ-CT của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, tiền thân là Phân hiệu Trường THPT-DTNT huyện Đắk Tô; từ năm học 2006-2007 đến năm học 2010-2011, Trường đóng chân trên địa bàn xã Tê Xăng, huyện Tu Mơ Rông gồm 2 cấp học THCS, THPT; từ năm học 2011-2012 đến nay trường chuyển sang cơ sở mới, đóng chân trên địa bàn xã Đắk Hà, huyện Tu Mơ Rông, số lượng học sinh cấp THCS giảm dần, số lượng học sinh cấp THPT tăng dần, đến đầu năm học 2022-2023 trường có 12 lớp với 402 học sinh THPT;

năm học 2023-2024 trường có 13 lớp với 401 học sinh THPT; năm học 2024-2025 trường có 13 lớp với 467 học sinh THPT.

Trong những năm qua, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp; sự hỗ trợ của các tổ chức đoàn thể địa phương, sự ủng hộ của cha mẹ học sinh, các thế hệ thầy và trò nhà trường đã khắc phục khó khăn, có nhiều nỗ lực, cố gắng trong giảng dạy và học tập, từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, góp phần quan trọng phát triển kinh tế- xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng của địa phương.

Thành tích nổi bật của nhà trường: Chất lượng giáo dục học sinh được nâng lên, tỷ lệ tốt nghiệp từ năm học 202-2021 đến năm học 2024-2025 đạt 100%; chất lượng nuôi dưỡng và chăm sóc học sinh được cải thiện; các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao được tăng cường và đạt kết quả cao nhất trong khối trường THPT các huyện.

6. Thông tin về người đại diện pháp luật - Hiệu trưởng

- Họ và tên: Văn Trọng Lưu.
- Chức vụ: Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng.
- Địa chỉ nơi làm việc: Trường PTDTNT huyện Tu Mơ Rông, Thôn Tu Mơ Rông, xã Đắk Hà, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum.
- Điện thoại: 0988 618 698.
- Địa chỉ thư điện tử: vantrongluu1968@gmail.com.

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập, cho phép hoạt động giáo dục: Quyết định số 306-2006/QĐ-CT, ngày 07 tháng 7 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

b. Quyết định công nhận Hội đồng Trường, chủ tịch Hội đồng trường và danh sách thành viên Hội đồng Trường:

- Quyết định số 267/QĐ-SGDĐT, ngày 18/3/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh kon tum về việc kiện toàn Hội đồng trường Trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện Tu Mơ Rông, nhiệm kỳ 2022-2027.

- Quyết định số 283/QĐ-SGDĐT, ngày 26/3/2025 về việc công nhận chủ tịch hội đồng trường Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Tu Mơ Rông, nhiệm kỳ 2022-2027.

- Danh sách thành viên Hội đồng Trường

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Văn Trọng Lưu	Bí thư Chi bộ; Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Nguyễn Minh Trung	Chủ tịch Công đoàn	Phó chủ tịch
3	Nguyễn Trí Thức	Tổ trưởng	Thư ký

4	Trần Công Hồng	P. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện Tu Mơ Rông	Thành viên
5	A Sĩa	Trưởng Ban đại diện cha mẹ học sinh trường năm học 2024-2025	Thành viên
6	Y Hào	Bí thư Đoàn trường	Thành viên
7	Dương Mai Liên	Tổ trưởng	Thành viên
8	Ngân Thị Đan	Tổ trưởng	Thành viên
9	Chu Thị Ngát	Tổ trưởng	Thành viên
10	Võ Văn Cường	Tổ trưởng	Thành viên
11	Y Thụy Nga	Học sinh lớp 10A1	Thành viên

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng

- Quyết định số 842/QĐ-SGDĐT, ngày 20/11/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum về việc điều động và bổ nhiệm ông Văn Trọng Lưu giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Phổ thông Dân tộc nội trú huyện Tu Mơ Rông.

- Quyết định số 600/QĐ-SGDĐT, ngày 06/10/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum về việc bổ nhiệm lại ông A Đoàn giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Phổ thông DTNT huyện Tu Mơ Rông;

- Quyết định số 154/QĐ-SGDĐT, ngày 01/3/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum về việc bổ nhiệm lại ông Đặng Phan Điệp giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Phổ thông DTNT huyện Tu Mơ Rông;

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

- Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường: Nhà trường thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường:

+ Chức năng: Trường PTDTNT huyện Tu Mơ Rông được Nhà nước thành lập để đào tạo học sinh cấp THPT là người dân tộc thiểu số, học sinh thuộc gia đình định cư lâu dài tại huyện Tu Mơ Rông nhằm mục tiêu tạo nguồn đào tạo nhân lực có chất lượng cho huyện Tu Mơ Rông.

+ Nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường:

(1). Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

(2). Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

(3). Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(4). Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

(5). Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

(6). Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

(7). Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

(8). Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(9). Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

(10). Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

(11). Thực hiện nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

(12). Thực hiện nhiệm vụ của trường PTDNT:

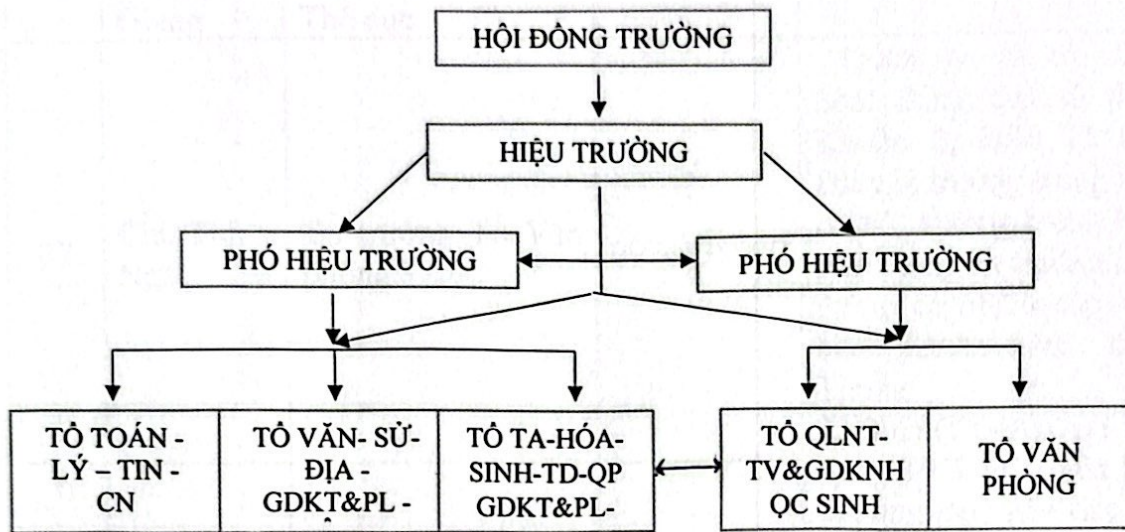
(i). Chăm sóc, nuôi dưỡng và quản lý học sinh dân tộc nội trú; đảm bảo các điều kiện để học sinh dân tộc nội trú được học tập, ăn, ở và sinh hoạt an toàn tại trường;

(ii) Tổ chức các hoạt động giáo dục đặc thù phù hợp với học sinh dân tộc nội trú;

(iii). Giáo dục học sinh về chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước; bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc Việt Nam; ý thức tham gia phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

(iv). Giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề truyền thống phù hợp với năng lực, phẩm chất của học sinh, điều kiện và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; (v). theo dõi, thống kê số lượng học sinh, đánh giá hiệu quả giáo dục hằng năm và theo dõi từng giai đoạn để xây dựng các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường:



đ. Quyết định thành lập các tổ; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó:

- Quyết định số 28/QĐ-DTNT, ngày 14/10/2024 của Hiệu trưởng Trường PTDTNT huyện Tu Mơ Rông về việc thành lập các tổ của Trường PTDTNT huyện Tu Mơ Rông, năm học 2024-2025;

- Quyết định số 30/QĐ-DTNT, ngày 15/10/2024 của Hiệu trưởng Trường PTDTNT huyện Tu Mơ Rông bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó của Trường PTDTNT huyện Tu Mơ Rông, năm học 2024-2025;

e. Danh sách tổ trưởng, tổ phó và nhiệm vụ:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Nhiệm vụ
01	Dương Mai Liên	Tổ trưởng Tổ Văn-Sử- Địa- Giáo dục công dân và Âm nhạc.	0913458569	Quản lý và tổ chức hoạt động của tổ theo Điều 14 của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
02	Y Hào	Tổ phó Tổ Văn- Sử- Địa- Giáo dục công dân và Âm nhạc.	0969302213	
03	Nguyễn Tri Thức	Tổ trưởng Tổ Toán- Lý- Tin- Công nghệ.	0922335388	
04	Phạm Hữu Duy	Tổ phó Tổ Toán- Lý- Tin- Công nghệ.	0978516233	
05	Ngân Thị Đan	Tổ trưởng Tổ Tiếng Anh-Hóa-Sinh-Thể dục.	0342632979	

06	Nguyễn Thị Trúc Giang	Tổ Phó Tổ Tiếng Anh- Hóa- Sinh- Thể dục.	0898389161	
07	Chu Thị Ngát	Tổ trưởng Tổ Văn phòng	0974139090	Quản lý và tổ chức hoạt động của tổ theo Khoản 2, Điều 15 của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và phòng chống dịch bệnh, chăm sóc, nuôi dưỡng học sinh nội trú;
08	Lê Thị Đoài	Tổ phó Tổ Văn phòng	0814349379	Sinh hoạt thường kỳ 2 lần/tháng và họp đột xuất theo yêu cầu công việc hoặc khi Hiệu trưởng yêu cầu; hoạt động của Tổ theo nguyên tắc dân chủ, tôn trọng, chia sẻ, học tập, giúp đỡ lẫn nhau để không ngừng phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác được giao.
09	Võ Văn Cường	Tổ trưởng Tổ Quản lý nội trú và tư vấn tâm lý, giáo dục kỹ năng sống học sinh.	0968349357	Quản lý và tổ chức hoạt động của tổ thực hiện công tác quản lý, tư vấn tâm lý, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh theo quy định hiện hành; tổ chức các hoạt động đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn, phòng chống các tệ nạn xã hội trong nhà trường.
10	Hồ Sỹ Hà	Tổ phó Tổ Quản lý nội trú và tư vấn	0976145441	

		tâm lý, giáo dục kỹ năng sống học sinh.		Tổ chức sinh hoạt thường kỳ 2 lần/tháng và họp đột xuất theo yêu cầu công việc hoặc khi Hiệu trưởng yêu cầu; hoạt động của Tổ theo nguyên tắc dân chủ, tôn trọng, chia sẻ, học tập, giúp đỡ lẫn nhau để không ngừng phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác được giao.
--	--	---	--	--

8. Các văn bản khác

- Chiến lược phát triển nhà trường: Kế hoạch số 10/KH-DTNT, ngày 23/6/2023 của Trường PDTNT huyện Tu Mơ Rông về chiến lược phát triển Trường PTDTNT huyện Tu Mơ Rông giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030; được Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt tại Quyết định số 349/QĐ-SGDĐT, ngày 29 tháng 6 năm 2023.

- Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024-2025: Kế hoạch số 13/KH-DTNT, ngày 25/9/2024.

- Quy chế chi tiêu nội bộ: Quy chế số 01/QC-DTNT, ngày 25/02/2025 về chi tiêu nội bộ của Trường PTDTNT huyện Tu Mơ Rông năm 2025.

II. Thu, chi tài chính

1. Tình hình tài chính của nhà trường trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo, trong đó:

a. Các khoản thu

Nguồn kinh phí và các hoạt động: 18.296.111.000 đồng. Trong đó:

- Nguồn cấp chi thường xuyên lương và các khoản theo lương: 9.774.000.000 đồng.

- Nguồn cấp chi khen thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP, ngày 30/6/2024 của Chính phủ Quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (Nghị định số 73/2024/NĐ-CP): 184.000.000 đồng.

- Nguồn cấp chi các chế độ chính sách an sinh xã hội: 8.338.111.000 đồng.

b. Các khoản chi: 18.296.111.000 đồng, cụ thể:

- Chi lương và các khoản theo lương: 9.039.000.000 đồng.

- Chi hoạt động thường xuyên theo cơ cấu lương: 735.000.000 đồng (Tiền công tác phí, phép hè, tiền điện, VPP, sửa chữa nhỏ CSVC, hoạt động phong trào, ...).

- Chi khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP: 184.000.000 đồng.

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí; các khoản thu các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo: Không có.

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách năm học về trợ cấp, miễn giảm học phí, học bổng đối với học sinh: 8.338.111.000 đồng.

- Chi hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Nghị định số 81/2021/NĐ-CP): 80.550.000 đồng.

- Cấp bù miễn giảm học phí Nghị định số 81/2021/NĐ-CP: 89.850.000 đồng.

- Chính sách hỗ trợ theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP, ngày 18/7/2016 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn: 462.102.000 đồng.

- Kinh phí chi thường xuyên theo cơ cấu học bổng: 840.000.000 đồng.

- Đề án nâng cao chất lượng HSDTTS: 270.985.000 đồng.

- Học bổng học sinh nội trú: 6.594.624.000 đồng.

4. Số dư các quỹ theo quy định (nếu có): Không có.

5. Các nội dung công khai tài chính khác theo quy định của Pháp luật

- Công khai Quyết định giao dự toán ngân sách đầu năm.

- Công khai quyết định giao số lượng người làm việc tại trường.

- Công khai quy chế chi tiêu nội bộ.

- Công khai quy chế sử dụng tài sản công, quyết định hội đồng thanh lý, tiếp nhận tài sản.

- Công khai quyết toán hàng năm ngân sách.

- Công khai danh mục tài sản công.

- Công khai thực phẩm ăn hàng ngày của học sinh tại bếp ăn nhà trường và hồ sơ lưu.

- Công khai bảng lương, các khoản chi thanh toán cho CB, GV, NV trên bảng thông tin nhà trường trước khi thanh toán.

- Công khai các kế hoạch mua sắm, sửa chữa thường xuyên trong nhà trường trong các cuộc họp trước khi triển khai.

III. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

a. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo.

Tổng số người làm việc theo vị trí việc làm tính đến tháng 5/2025 là 45 người, trong đó: 03 cán bộ quản lý (01 hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng); 30 giáo viên (29 GV THPT, 01 GV THCS); 04 nhân viên biên chế (01 Kế toán, 01 Văn phòng- Y tế, 01 Thư viện, 01 Thiết bị); 07 nhân viên hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP (05 nhân viên cấp dưỡng, 01 nhân viên bảo vệ) và 02 nhân viên hợp nấu nấu ăn theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP.

Trình độ đào tạo: CBQL 02 Thạc sĩ, 01 Đại học; giáo viên 01 Thạc sĩ, 26 Đại học; nhân viên 02 Đại học, 01 Cao đẳng và 01 Trung cấp.

b. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định: 100% CBQL, giáo viên, đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

c. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định: 100% CBQL, giáo viên và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung

a. Diện tích khuôn viên trường, diện tích bình quân cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

Diện tích đất 25.109m², khuôn viên trường 18.855m², diện tích bình quân cho một học sinh 43,34m²/học sinh; lớn hơn so với yêu cầu tối thiểu theo quy định (*Diện tích khu đất cho các hạng mục công trình phục vụ nội trú, ăn, ở tập trung cho học sinh bảo đảm tối thiểu 6m² cho một học sinh*).

b. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

- Khối phòng hành chính quản trị: Có đầy đủ các phòng Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Văn phòng, Giáo vụ, Y tế với đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành; 01 phòng bảo vệ đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi; khu vệ sinh nam, nữ riêng biệt; khu để xe có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường.

- Khối phòng học tập: 16 phòng học, được trang bị hệ thống đèn và hệ thống quạt; 13 phòng học được trang bị đầy đủ bàn, ghế giáo viên và học sinh đúng quy cách, đủ chỗ ngồi cho học sinh, có bảng chống loá và bảng trượt 2 lớp; 8 phòng học bộ môn gồm: 01 phòng học bộ môn Sinh học, 01 phòng học bộ môn Hoá học; 01 phòng học bộ môn Vật lý-Công nghệ, 01 phòng học bộ môn KHXH, 02 phòng học bộ môn Tin học, 01 phòng học bộ môn Tiếng Anh, 01 phòng học bộ môn Âm nhạc; phòng đa chức năng chưa có.

- Khối phòng hỗ trợ học tập: Có 01 Thư viện, được bố trí tầng 1, thoáng mát, sạch sẽ, có đủ sách giáo khoa và tài liệu tham khảo cho giáo viên và học sinh; 01 phòng Đoàn Thanh niên; phòng Thiết bị giáo dục, phòng Tư vấn học đường chưa có.

- Khối phụ trợ: 01 Phòng họp toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường, được trang bị bàn ghế đầy đủ; 01 Phòng Y tế trường học có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh; 02 phòng kho, bảo đảm nơi để dụng cụ chung và học phẩm của trường; 01 khu để xe học sinh có mái che; khu vệ sinh học sinh bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; cổng, hàng rào: khuôn viên của trường được ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ (tường xây, lưới B40), bảo đảm vững chắc, an toàn. Cổng trường kiên cố, có biển tên trường; phòng các tổ chuyên môn chưa có.

- Khu sân chơi, thể dục thể thao: Chưa có.

- Khối phục vụ sinh hoạt: 01 nhà bếp, độc lập với khối phòng học và hỗ trợ học tập, dây chuyền hoạt động một chiều, hợp vệ sinh; 01 kho bếp phân chia riêng biệt kho lương thực và kho thực phẩm, có tủ lạnh bảo quản thực phẩm; 01 nhà ăn phục vụ cho học sinh và được trang bị đầy đủ các thiết bị; nhà ở nội trú học sinh 42 phòng bố trí đủ phòng ngủ cho học sinh, có khu vệ sinh và nhà tắm, phân khu riêng cho nam và nữ, trang bị đầy đủ giường cho học sinh. Hiện nay Nhà ăn quá tải so với số lượng học sinh, chưa có Phòng quản lý học sinh dùng cho giáo viên quản lý học sinh nội trú, chưa có Phòng sinh hoạt chung bố trí trong khu vực nội trú, gần phòng ở nội trú học sinh.

- Hạ tầng kỹ thuật: Trường có 02 giếng khoan cung cấp nước cho nhà ăn và khu nhà làm việc, được kiểm nghiệm hàng năm, đảm bảo vệ sinh theo yêu cầu; có 01 hệ thống nước tự chảy cung cấp nước cho việc tắm, giặt của học sinh. Hệ thống cấp điện: bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường. Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: bảo đảm theo các quy định hiện hành. Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc đảm bảo phục vụ các hoạt động của trường. Khu thu gom rác thải: bố trí độc lập, cách xa dãy phòng ở học sinh, khối phòng chức năng.

c. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

Các phòng học được trang bị máy tính để bàn, tất cả các phòng học có bảng, các phòng học mới được trang bị bàn trượt 2 lớp, tivi có kết nối nguồn điện và đường truyền đến máy vi tính để phục vụ dạy học; 02 phòng bộ môn Tin học, trong đó 01 phòng lắp đặt 43 máy, 01 phòng lắp đặt 35 máy hoạt động tốt; 13 máy tính bàn bố trí tại phòng học; 06 máy tính bàn bố trí tại phòng học bộ môn; 10 bảng trượt được bố trí dãy phòng học mới xây; 06 loa di động trang bị cho phòng bộ môn Tiếng anh, vì phòng bộ môn Tiếng Anh, Âm nhạc chưa trang bị bàn ghế nên hiện chưa được sử dụng; 01 loa phục vụ cho các hoạt động chung. Các phòng học bộ môn Sinh học, Hóa học, Vật lý không được sử dụng thường xuyên do thiết bị dạy học được trang bị đã từ lâu, nhiều thiết bị đã hỏng, không còn sử dụng; chưa được trang bị thiết bị mới để phục vụ cho việc dạy học theo Chương trình GDPT 2018.

D. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Số lượng sách giáo khoa được phê duyệt 9.541 bản; sách giáo viên được Sở GDĐT cấp 24 bản; sách tham khảo theo chương trình cũ 2.997 bản; sách văn hoá dân gian Việt Nam 2.775 bản.

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng

a. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục sau đánh giá

Tờ trình số 16/TTr-DTNT, ngày 30/6/2025 về kết quả tự đánh giá nhà trường năm học 2024-2025. Kết quả tự đánh giá theo báo cáo gửi kèm.

b. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong năm: Nhà trường chưa được đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia.

IV. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học

a. Kế hoạch tuyển sinh

- Thực hiện theo Kế hoạch số 52/KH-SGDĐT, ngày 02/4/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum về tuyển sinh các cấp học mầm non, phổ thông năm học 2024-2025;

- Thông báo số 19/TB-DTNT, ngày 21/4/2024. Thông báo (Lần 2) Tuyển sinh lớp 10 Trường PTDTNT huyện Tu Mơ Rông năm học 2024-2025.

b) Kế hoạch giáo dục năm học

Kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025: Kế hoạch số 13/KH-DTNT, ngày 25/9/2024.

c. Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh: Biên bản số 01/BB-CMHS về họp cha mẹ học sinh năm học 2024-2025.

d. Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt học sinh trong năm học.

- Kế hoạch phụ đạo số 04/KH-DTNT, ngày 17/9/2024.

- Kế hoạch tổ chức Hội thi thể thao học sinh số 01/KH-DTNT, ngày 25/9/2024.

- Kế hoạch đảm bảo trật tự, an toàn giao thông số 89/KH-DTNT, ngày 30/9/2024.

- Kế hoạch phòng cháy chữa cháy số 18/KH-DTNT, ngày 20/10/2024.

- Kế hoạch phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước cho học sinh số 99/KH-DTNT, ngày 22/10/2024.

- Kế hoạch tuyển chọn, bồi dưỡng và thi học sinh giỏi số 16/KH-DTNT, ngày 08/10/2024.

- Kế hoạch thực hiện công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng số 11/KH-DTNT, ngày 03/10/2024.

- Kế hoạch tổ chức phong trào thi đua kỉ niệm 42 năm ngày Nhà giáo Việt Nam số 07/KH-DTNT, ngày 01/11/2024.

- Kế hoạch tập luyện và tham gia thi đấu tại giải TDTT học sinh tỉnh Kon Tum số 20/KH-DTNT, ngày 25/11/2024.

- Kế hoạch tổ chức phong trào thi đua kỉ niệm 80 năm thành lập QĐND Việt Nam và 35 năm ngày hội quốc phòng toàn dân số 20/KH-DTNT, ngày 04/12/2024.

Đ. Thực đơn ăn hàng ngày của học sinh (*Phụ lục kèm theo*).

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2024-2025

a. Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số học sinh học 2 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh tại trường.

TT	SỐ LIỆU	SỐ LƯỢNG	Ghi chú
1	Kết quả tuyển sinh	194	
2	Tổng số học sinh	435	
	- Khối lớp 10	178	
	- Khối lớp 11	146	
	- Khối lớp 12	111	
3	Bình quân số học sinh/lớp học	33.5	
	- Khối lớp 10	35.6	
	- Khối lớp 11	29.2	
	- Khối lớp 12	37	
4	Học 2 buổi/ngày	435	
5	Số học sinh nam	156	
6	Số học sinh nữ	276	
7	Số học sinh là người dân tộc thiểu số	422	
8	Số học sinh khuyết tật	00	
9	Số học sinh chuyển đi	22	
10	Số học sinh chuyển đến	00	

b. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp.

- Kết quả học tập

TỔNG SỐ HS	TỐT		KHÁ		ĐẠT		CHƯA ĐẠT		Ghi chú
	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
435	6	1.38	193	44.37	224	51.49	12	2.76	

- Kết quả rèn luyện

TỔNG SỐ HS	TỐT		KHÁ		ĐẠT		CHƯA ĐẠT		Ghi chú
	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
435	350	80.46	65	14.94	19	4.37	1	0.23	

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình: 111.
- Số lượng học sinh được lên lớp thẳng: 311.
- Số học sinh kiểm tra lại: 12.
- Số học sinh rèn luyện hè: 01.

c. Số lượng học sinh năm học 2023-2024 được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển đại học

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình: 87.
- Số học sinh được cấp bằng tốt nghiệp: 87.
- Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp: 32.
- Số lượng học sinh trúng tuyển đại học: 20.

d. Số lượng học sinh năm học 2024-2025 được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh tốt nghiệp THPT

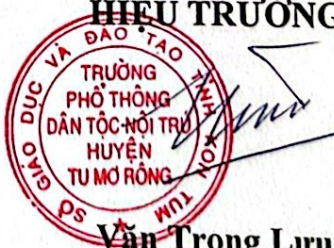
- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình: 111.
- Số học sinh tốt nghiệp THPT: 110 học sinh, tỷ lệ 100%.

Trên đây là thông báo công khai của trường PTDTNT huyện Tu Mơ Rông năm học 2024 – 2025./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT tỉnh Kon Tum (báo cáo);
- Các tổ chuyên môn (thực hiện);
- Hiệu trưởng, các P, Hiệu trưởng (thực hiện);
- Công đoàn, Đoàn trường (phối hợp);
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Văn Trọng Lưu